

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2018/HNGĐ-ST
Ngày 23/11/2018
“Tranh chấp về cấp dưỡng nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Bích Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Thị Thanh Hương;
2. Bà Võ Thị Trúc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Dung – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Lê Minh Ngọc – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 140/2018/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2018 về việc “*Tranh chấp về cấp dưỡng nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2018/QĐXX-ST ngày 09/11/2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Hoàng Thị X, sinh năm 1983; địa chỉ: Thôn 7C, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; có mặt;
2. *Bị đơn:* Anh Bùi Thanh Q, sinh năm 1988; địa chỉ: Tổ 3, phường N, thị xã A, tỉnh Gia Lai; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Hoàng Thị X trình bày: Chị X và anh Bùi Thanh Q tự nguyện kết hôn có đăng ký kết hôn tại UBND xã EaHiao, huyện Ea H’leo, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 24/9/2012. Vào năm 2017 do mâu thuẫn vợ chồng nên chị có yêu cầu ly hôn, Toà án nhân dân thị xã A đã xét xử và theo bản án số 08/2017/HNGĐ-ST ngày 23/3/2017 đã quyết định chấp nhận cho chị X ly hôn với anh Q; giao cho chị trực tiếp nuôi con là các cháu Bùi Thị Thanh M, sinh ngày 07/5/2014 và cháu Hoàng Hồng Ngọc H, sinh ngày 28/9/2015. Do chị X là người dân tộc Tày nên sau khi ly hôn chị đã thay đổi họ tên con theo họ mẹ, cháu Bùi Thị Thanh M được đổi tên thành Cháu M. Các con đều do chị trực tiếp nuôi dưỡng từ sau khi ly hôn cho đến nay. Vào thời điểm ly hôn chị không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng nuôi con, tuy nhiên hiện nay vì điều kiện kinh tế khó khăn, chị không đủ khả năng nuôi 02 con nữa và chị muốn anh Q cũng phải có nghĩa vụ trong việc nuôi con nên chị yêu cầu

anh Q phải cấp dưỡng nuôi con.

Về chi phí cho các cháu M và H: Đối với cháu M, tiền học 600.000đ/tháng, tiền ăn 300.000đ/tháng, tiền quần áo, đau ốm và các chi phí khác là 600.000đ/tháng. Đối với cháu H, tiền ăn và sữa 1.000.000đ/tháng, tiền quần áo, đau ốm và các chi phí khác là 500.000đ/tháng. Trung bình chi phí cho hai cháu M và Hiền mỗi cháu là 1.500.000đ/tháng.

Chị X làm nghề nông, có ruộng nên cũng bảo đảm phần nào được cuộc sống cho các con, thu nhập hằng tháng hiện nay của chị là 3.000.000đ/tháng. Chị yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng nuôi con hằng tháng đối với cháu M, sinh ngày 07/5/2014 và cháu Hoàng Hồng Ngọc H, sinh ngày 28/9/2015, mỗi tháng 1.000.000đ/1 cháu. Thời gian cấp dưỡng từ tháng 12/2018 cho đến khi các cháu M và Hiền đủ 18 tuổi và tự lập được.

Chị không đồng ý với ý kiến của anh Q về việc giao cho anh Q trực tiếp nuôi con bởi vì từ tháng 12 năm 2014 đến nay thì các con đều do chị trực tiếp nuôi, anh Q không có trách nhiệm gì trong việc nuôi con cũng như việc thăm hỏi con.

Lời khai có tại hồ sơ và tại phiên tòa của bị đơn anh Bùi Thanh Q thể hiện: Về quan hệ hôn nhân và việc ly hôn giữa anh và chị Hoàng Thị X, anh thống nhất như chị X đã trình bày. Sau khi ly hôn, theo quyết định của Tòa án chị X được quyền trực tiếp nuôi cả hai con. Chị X đã tự thay đổi họ tên cháu Bùi Thị Thanh M thành cháu M mà không hỏi ý kiến của anh. Đối với yêu cầu của chị X về việc yêu cầu anh phải cấp dưỡng nuôi con hằng tháng cho các cháu M và cháu Hoàng Hồng Ngọc H, mỗi tháng 1.000.000đ/1 cháu thì anh có ý kiến như sau: Từ tháng 12/2014 chị X dẫn con về nhà cha mẹ để ở Đắk Lắk ở và không quay về cho đến nay, chị X cũng không cho anh thăm nom con. Chị X tự ý đổi họ của cháu M sang họ mẹ. Hiện nay tuy anh đang trong độ tuổi lao động, có sức khỏe nhưng công việc và thu nhập của anh không ổn định, anh đi làm thuê nên có tháng có thu nhập từ 1.000.000đ đến 1.500.000đ nhưng có tháng không có tiền. Anh không đủ khả năng nuôi bản thân nên không có khả năng cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của chị X. Do vậy anh không đồng ý với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị X, nếu chị X không có khả năng nuôi con thì yêu cầu chị X giao lại cho anh một trong hai cháu là Minh hoặc cháu H để anh nuôi chứ anh không có khả năng cấp dưỡng. Ý kiến yêu cầu chị X giao con cho anh nuôi là ý kiến về việc giải quyết vụ án chứ anh không có yêu cầu phản tố để yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con đối với chị X.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, buộc anh Bùi Thanh Q phải cấp dưỡng nuôi con hằng tháng cho các cháu M và Hoàng Hồng Ngọc H mỗi tháng 1.000.000đ/cháu, thời gian

cấp dưỡng từ tháng 12/2018 cho đến khi các cháu M và Hiền đủ 18 tuổi và tự lập được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn chị Hoàng Thị X yêu cầu anh Bùi Thanh Q; địa chỉ: Tổ 3, phường N, thị xã A, tỉnh Gia Lai cấp dưỡng nuôi con. Theo quy định tại khoản 5 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì đây là vụ án “Tranh chấp về cấp dưỡng nuôi con”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai.

[2] Cháu Cháu M, sinh ngày 07/5/2014 và cháu Hoàng Hồng Ngọc H, sinh ngày 28/9/2015 là con của anh Bùi Thanh Q và chị Hoàng Thị X. Theo bản án số 08/2017/HNGĐ-ST ngày 23/3/2017 của Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai đã chấp nhận cho chị X ly hôn với anh Q; giao cho chị X trực tiếp nuôi con là các cháu Cháu M (tên trước đây là Bùi Thị Thanh M) và cháu Hoàng Hồng Ngọc H. Theo quy định tại khoản 2 Điều 82; Điều 110 của Luật Hôn nhân và gia đình thì cha, mẹ không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, do vậy chị X yêu cầu anh Q phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là phù hợp theo quy định tại Điều 110, 119 Luật Hôn nhân và gia đình. Anh Q không đồng ý cấp dưỡng nhưng lý do anh Q nêu ra không thuộc trường hợp chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 118 của Luật Hôn nhân gia đình nên không được chấp nhận.

[3] Về mức cấp dưỡng: Theo quy định tại Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình thì mức cấp dưỡng được căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng. Chị X yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng cho các cháu M và Hiền mỗi tháng 1.000.000đ/1cháu đồng thời trình bày chi phí thiết yếu hằng tháng cho mỗi cháu là 1.500.000đ. Xét chị X hiện đang trong độ tuổi lao động, có công việc và thu nhập; anh Q đang trong độ tuổi lao động, có khả năng lao động và tạo thu nhập nhưng hiện thu nhập của anh Q không ổn định, do vậy chỉ chấp nhận một phần yêu cầu của chị X, buộc anh Q phải cấp dưỡng nuôi con với mức bằng $\frac{1}{2}$ chi phí thiết yếu của người được cấp dưỡng tương ứng với số tiền là $1.500.000đ : 2 = 750.000đ/tháng/1cháu$ là phù hợp. Không chấp nhận một phần yêu cầu của chị X với số tiền 250.000đ/tháng/1cháu.

[4] Về phương thức cấp dưỡng: Do các đương sự không thoả thuận được với nhau về phương thức cấp dưỡng nên cần buộc anh Q phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng theo định kỳ hằng tháng.

[5] Về thời gian cấp dưỡng, nguyên đơn yêu cầu thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 12/2018 đến khi các cháu M và Hiền đủ 18 tuổi và tự lập được. Yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận

[6] Anh Q có ý kiến đề nghị chị X giao cho anh Q trực tiếp nuôi con nhưng không có yêu cầu Tòa án giải quyết về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Căn cứ khoản 5 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm b Điều 12, điểm đ khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; anh Bùi Thanh Q phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm, chị Hoàng Thị X được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 5 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 82, khoản 1 Điều 83, các Điều 107, 110, 116, 117 và Điều 119 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm b Điều 12, điểm đ khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị X, cụ thể như sau:

Buộc anh Bùi Thanh Q phải cấp dưỡng nuôi con hằng tháng cho các cháu Cháu M, sinh ngày 07/5/2014 và cháu Hoàng Hồng Ngọc H, sinh ngày 28/9/2015, mỗi tháng 750.000đ/1cháu (*Bảy trăm năm mươi nghìn đồng*). Thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 12 năm 2018, khi các cháu M và H chưa thành niên hoặc đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị X đối với số tiền 250.000đ/tháng/1cháu (*hai trăm năm mươi nghìn đồng*).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong các khoản tiền trên, hằng tháng bên phải thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền còn phải thi hành án tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán với mức lãi suất theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, nếu các bên không thỏa thuận thì mức lãi suất thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Về án phí: Anh Bùi Thanh Q phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Chị Hoàng Thị X được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày, kể từ ngày tuyên án (23/11/2018), các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai
- VKSND thị xã A;
- Chi cục THADS TX A;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Bích Thảo